

SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-
UHĀM

_ Ba Nghiệp thanh tịnh xong
Vận Tâm trong sáu đường
Tất cả các chúng sinh
Báo Chương, Nghiệp Chương, Phiền Não Đẳng Chương thầy đều tiêu diệt, đắc
được thanh tịnh.

_ Tiếp tưởng Phật Đản ở phương trên, vận Tâm cúng dường. Lại tưởng bàn tay
của mình là bàn tay Kim Cương. Bàn chân, trái tim, con mắt...cũng lại như vậy. Dùng
thân Kim Cương lễ, phụng sự chư Phật. Sau đó lại tưởng năm ngón tay của mình, lấy
năm loại nước Cam Lộ của **Kim Cương Trí** (Vajra-jñāna) tự rưới đỉnh đầu của mình,
tẩy rửa sạch *năm Thân, mười Nghiệp, sáu Trần*

Tưởng thân Phạm Phu đều không có **chỗ có** (sở hữu) như vành trăng trong sạch.
Trên vành trăng thân của mình, hình chữ **Hồng** (𑖀-HŪM) giống như lửa rực sáng, y
theo vành trăng trụ, như lượng ánh sáng đèn. Niệm Chân Ngôn này, gia trì bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án, mạo địa tức đa mẫu đất-bả na gia nhĩ**”

𑖀 𑖔𑖕𑖖 𑖗 𑖘𑖙𑖚 𑖛𑖜

OM- BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

_ Lại tưởng hình chữ **Hồng** (𑖀- HŪM) trên vành trăng mà trụ, như nhóm ánh
sáng lớn. Tưởng Hoả Tinh của thân bung tán rất lâu rồi lại thu vào. Chân Ngôn bảy
biến

“**Án, tố khư ma, phộc nhật-la**”

𑖀 𑖔𑖕𑖖 𑖗𑖘

OM- SUKṢMA VAJRA

_ Lại tưởng trên vành trăng

Có ánh sáng nhỏ, trụ

Rồi tụng Chân Ngôn này

Cần phải tụng bảy biến

Chân Ngôn là:

“**Án, để sắt-tra, phộc nhật-la**”

𑖀 𑖔𑖕𑖖 𑖗𑖘

OM- TIṢṬA VAJRA

_ Ánh sáng nhỏ chẳng động

Tưởng Thân xoay lại đi

Rồi niệm Chân Ngôn này

Cũng nên niệm bảy biến

Chân Ngôn là:

“**Án, sa phả-la, phộc nhật-la**”

𑖀 𑖔𑖕𑖖 𑖗𑖘

OM_ SPHARA VAJRA

_ Lại tưởng Thân đi đến

Niệm Chân Ngôn bảy biến
Chân Ngôn là:
“**Án, tạng hạ la, phộc nhật-la**”
ॐ हं लो र्ज
OM_ SAMHĀRA VAJRA

_ Lại tưởng Thân nhập vào
Sẽ thành thân Đại Giác
Niệm *Bí Mật Ngôn* này
Gia trì đủ bảy biến
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la, vĩ xả, hồng**”
ॐ र्ज अि हं
OM_ VAJRA AVISA HŪM

_ Tưởng ánh sáng nhỏ, trụ
Như đồng thân Đại Giác
Tụng Đà La Ni này
Lại nên tụng bảy biến
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la đát ma cú hàm**”
ॐ र्ज म् अं
OM- VAJRA-ATMAKA-UHAM

_ Lại nữa quán thân mình
Làm Thể của Kim Cương
Giống như thân Như Lai
Ngang đồng không có khác
Ba lần tụng Chân Ngôn
“**Án, dã tha, tát phộc đát tha nga đá, sa-đát khư hám**”
ॐ यथा म् र्ज त् अं
OM- YATHA SARVA TATHĀGATA STATHĀHAM

_ Tiếp nên tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cái chuông, làm **Ba La Mật** (Pāramitā).

Bồ Tát trì *khuôn phép thí nghiệm* (khoá). **Chày** biểu thị cho **Phật Án** (Buddha-mudra), chày ấy có năm châu (ngũ cổ) biểu thị cho Như Lai. **Chuông** biểu thị cho bốn Ba La Mật.

Bồ Tát tưởng kỹ lưỡng, thân mình làm **Bảo Sinh Phật** (Ratna-sambhava-buddha), ném chày ba lần

_ Tiếp nên múa chuyển, làm **Liên Hoa Án** (Padma-mudra). Án xong, đỉnh lễ. Lễ xong, cầm chày chỉ vào đỉnh đầu, miệng, trái tim. Tụng ba chữ Chủng Trí **Án A Hồng** (ॐ अं हं - OM ĀH HŪM). Tưởng đỉnh đầu làm Đàn

Trước tiên, tưởng hoa sen bên trong đỉnh đầu, sen ấy có tám cánh. An hoa sen xong, tiếp bày Kim Cương nằm ngang, trên Kim Cương ấy có vành mặt trời mặt trăng. Ở trên vành mặt trời có 12 chữ (?a ā i ī u ū e ai o au am ah), trên vành mặt

trắng lại có 16 *Mẫu của chữ Phạn* (?a ā i ī u ū ṛ ṛ ḷ ḷ e ai o au am aḥ), Pháp của **Xuất Sinh** chẳng thể đặc được.

Ở trên vành trắng, tướng an chữ **Án** (ॐ-OM). Lại quán chữ **Án** xoay lại rồi đi, rất lâu mới đến làm hình **Luân Tụ** (Chữ xếp xoay vòng như bánh xe). Lại tướng một lần trở về (nhất phản) làm **Tỳ Lô Phật** (Vairocana-buddha). Bốn phương Phật còn lại, an trí theo thứ tự, thầy đều ngang đồng với bốn Ba La Mật. Nên niệm **Chủng Trí** rồi ở bốn góc, ngồi tại toà có ba tầng (tam trọng toà) không có vành trắng ấy. Bên dưới đến **Minh Vương** (Vidya-rāja) nên đều như vậy.

Phần bên trên là chín vị trí trụ ở viện thứ nhất

Bên trong, tám vị Bồ Tát, niệm chữ **Chủng Trí** ở viện thứ hai, chia bày theo thứ tự

Bên ngoài, 12 Tôn, 10 vị Minh Vương...cũng niệm **Chủng Trí** với **Mật Hiệu** của vị ấy

Ở viện thứ ba, y theo vị trí an lập

_ Tướng Đàn xong rồi, quán thân là Phật, liền niệm **Phật Đàn**

Chân Ngôn là:

“**Một đà phộc nhật-la đạt la, thất-lý, mãn năng (1) đề-lý phộc nhật-la (2) tỳ nễ-dã, bà vĩ năng (3) a để sắt-tra năng bá năng nhĩ nễ-dưỡng (4) ca lỗ đồng ca dã, phộc nhật-lý năng (5) na xá nại-nghĩ tăng, tất-thể đá, một đà (6) khuất-phiêu tông đồ (7) ca dã, phộc nhật-lý năng (8) Án, tát phộc đất tha nga đá (9) ca dã, phộc nhật-la (10) sa-phộc sa phộc đất ma cú hàm (11)**”

_ Tiếp tướng trong miệng là vị trí của **Pháp Đàn**. Tướng hình chữ A (ॐ- ĀḤ) đi rồi quay lại thành hoa sen sáu. Lại tướng một lần trở về làm **A Di Đà** (Amitābha). Đồng với Quán Tướng lúc trước, nên niệm **Pháp Đàn**

Chân Ngôn là:

“**Đạt la-ma, phệ phộc ca bá tha, thất-lý, mãn năng (1) đề-lý phộc nhật-la, tỳ nễ-dã, bà vĩ năng (2) a địa sắt-tra ná bá năng nhĩ nễ-dưỡng (3) ca lỗ đồng phộc nga, phộc nhật-lý ná (4) na xá nại-nghĩ tăng, tất-đế đá, một đà (5) khuất-phiêu tông đồ (6) phộc nga, phộc nhật-lý năng (7) Án, tát phộc (8) đất tha nga đa (9) phộc nhật-la sa-phộc (10) bà phộc đất ma cú hàm (11)**”

_ Tiếp tướng bên trong trái tim là vị trí của **Tăng Đàn**. Quán hình chữ **Hồng** (ॐ- HŪM) đi rồi lại đến, liền làm **Kim Cương** (Vajra). Tướng một lần trở về thành **A Súc Tôn** (Akṣobhya). Đồng với Quán Hạnh lúc trước, nên niệm **Tăng Đàn**.

Đà La Ni là:

“**Tức đá, phộc nhật-la đạt la, thất-lý, mãn năng (1) đề-lý phộc nhật-la, tỳ nễ-dã, bà vĩ ná (2) a địa sắt-tra ná bá năng nhĩ nễ-dưỡng (3) ca lỗ đồng tức đá, phộc nhật-lý ná (4) na xá na-nghĩ tăng, tất-đế đá, một đà (5) khuất-phiêu tông đồ (6) tức đá, phộc nhật-lý năng (7) Án, tát phộc đất tha nga đa (8) phộc nhật-la sa-phộc bà phộc đất ma cú hàm (10)**”

_ Tướng thành **Tam Bảo** xong

An Tâm, lặng chẳng động

Liền dùng dây Kim Cương (Kim Cương Sách)

Cột bít cửa **sáu Căn**

Tùy niệm, tùy cột một

Như mặc Giáp Kim Cương.

Chân Ngôn là:

“**Án, châm, hồng, phộc nhật-la, lạc khát-la**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_TUM_HUM VAJRA-RAKṢA

_ Tiếp dùng Tâm ân trọng, quy mệnh **Tam Bảo Đàn**, liên tụng Đà La Ni:

“**Na mô một đà dã (1) na mô đạt ma dã (2) na mô tăng già dã (3) a bà phệ bà phộc năng bà phộc (4) bà phộc năng, nê phộc bà phộc năng (5) y để bà phệ ma bà phộc tát-duyng (6) bà phộc nam nỗ bá la tỳ dạ đế (7) a nễ-dã nhĩ tát phả lãng nhạ la-hàm (8) a nễ-dã nhĩ tát phả lãng đá bá (9) a nễ-dã nhĩ tát phả lãng địa-dã nam (10) a nễ-dã nhĩ vĩ ninh mô khát-lý đẵng (11)**”

_ Quy mệnh Tam Bảo xong

Trước mặt tướng một Đàn

Dưới là **Phong Hoả Thuỷ**

Thổ Luân ở trên hết

Trên **Thổ** sắt (kim loại) bốn màu

Trên sắt (kim loại) **Tam Giác Thổ**

Đây là đất báu tạp

Tiếp hai tay chéo nhau

Chưởng Tâm (tâm lòng bàn tay) an ở đất

_ Kim Cương chẳng dùng Đàn

Nên quán hình chữ **A (ॐ)**

Rồi trụ ngay trong Đàn

Tướng chữ đi lại đến

Ngay trên hoa sen báu

_ Tiếp nên tướng chữ **Hồng (ॐ - HŪM)**

Rồi trụ Kim Cương báu

_ Lại tướng **Bột Lộng Án (ॐ_ BHRŪM)**

Chữ làm lâu bảy báu

_ Trong có Đàn ba lớp

Mà lại có bốn cửa

Bốn cửa đều bốn màu

Đông: trắng, Nam: màu xanh

Tây: vàng, Bắc: vàng ròng

Tướng ở trong lâu ấy

Có mặt trời mặt trăng (nhật nguyệt luân)

_ Lại niệm **Án A Hồng (ॐ ॐ ॐ :OM ĀḤ HŪM)**

Tướng ở trên vành trăng

_ Lại quán thân chữ **Án (ॐ_ OM)**

Hoá làm hình **Phật Luân**

Lại nên tưởng chữ A (𑖀_ĀḤ)
Biến thành hoa sen báu
Lại tưởng Thể chữ HỒNG (𑖀-HŪM)
Hoá làm Trí Kim Cương

_ Sau đó tưởng ba chữ
Đồng đi rồi lại đến
Trụ ở ngay trong Đàn
Năm Phật, Ba La Mật
Trong Ngoài mười hai Tôn
Mười vị Đại Minh Vương
Chủng Trí với thứ tự
Rộng như trên đã nói.

_ Tiếp dùng hai bàn tay làm hình hoa sen, tưởng đến phương bên trên bung đỡ
Như Lai. Dùng Chân Ngôn này mà tụng ba biến.

“**Án (1) tra kê, a ca chã dã (2) bát-la phệ sai dã (3) mãn đà dã (4) đồ sa dã (5) hồng, nhược, hồng, tông, hộc, hạ hạ, hồng**”

𑖀 𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM_ ṬAKKI ĀKARṢĀYA PRAVEŚĀYA BANDHA DOṢĀYA HŪM_ JAḤ
HŪM VAṂ HOḤ_ HA HA HŪM

_ Tưởng thỉnh Phật phương trên
Giáng xuống bên trong Đàn
Rồi niệm Chân Ngôn này
Vận Tâm, bái cửa Đông

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố tổ, bá tát-tha ná dã, a đất-ma nam (2) nễ lý-dã đá dạ nhĩ (3) tát phộc đất tha nghiệt đá (4) phộc nhật-la tát đất-phộc (5) địa sắt-tra sa-phộc hàm (6) hồng**”

𑖀 𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI - SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM HŪM

_ Tưởng Phật đến Đàn xong
Cầu bình báu Quán Đỉnh
Rồi niệm Chân Ngôn này
Vận Tâm, lễ cửa Nam

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đá (1) bố nhạ tỳ sai ca dã, a đất-ma nam (2) nễ lý-dã đá dã nhĩ (3) tát phộc đất tha nghiệt đá (4) phộc nhật-la, la đất-năng tỳ sản tả, sa-phộc hàm, đất-lạc (6)**”

𑖀 𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIṢAIKĀYA ATMANĀM
NIRYĀTA YĀMI - SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA
SVĀMAM TRĀḤ

_ Lại tưởng Quán Đỉnh xong

Quy mệnh nơi Như Lai
Y Pháp mà tu hành
Rộng bày Pháp cúng dường
Rồi tụng Chân Ngôn này
Tướng lễ ở cửa Tây

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ, bát-la phộc đa năng dã, a đát-ma nam (2) nễ lý-dã đá dã nhĩ (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la đạt la-ma (5) bát-la phộc đá dã, sa-phộc hàm (6) hột-ly-dĩ (7)**”

ॐ स ह गणगण पूरु सर्ववन्द्यम् ॐ ह्रिं ह्रिं स ह गणगण वरुवम् सर्ववन्द्यम् ॐ

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTĀYA SVĀMAM HRĪH

_ Tiếp nên tưởng thân mình
_ Bền chắc chẳng sinh diệt
_ Biện sự không có cùng
_ Nên cúng dường nơi Phật
_ Nguyên tất cả Hữu Tình
_ Đều được quả Tất Địa
_ Rồi tụng Chân Ngôn này
_ Tướng lễ ở cửa Bắc.

“**Phộc (?Án), tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bố nhạ ca ma nê, a đát-ma nam (2) nễ lý-dã đá dã nhĩ (3) tát phộc đát tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la ca ma (5) câu lỗ, sa-phộc hàm (6) ác**”

ॐ स ह गणगण पूरु कर्मणि स्वम् ॐ ह्रिं ह्रिं स ह गणगण वरु कर्म ॐ स्वम् ॐ

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆI ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU SVĀMAM AH

_ Lại khấn cáo nơi Phật
_ Nay con sẽ chí thành
_ Tùy phần mà cúng dường
_ Quy mệnh nơi Như lai
_ Rồi tụng **Già Đà** (Gāthā:Kệ) này
_ Cửa Đông, lễ phương giữa (trung phương)

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) ca dã, phộc, chỉ-tức đá (2) phộc nhật-la bát-la noa mai (3) phộc nhật-la mãn na nam, ca lỗ nhĩ (4) Án, phộc nhật-la vật (5)**”

ॐ स ह गणगण कय वरु वरुवम् ॐ वरुवम् कर्त्तव्यं ॐ वरु वरु

OM – SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA – VAJRA PRANANĀM – VAJRA VANDANĀM KARA-UMI – OM VAJRA VIH.

_ Tiếp dùng **Ngũ Phật Tán**
_ Ca vịnh nơi Như Lai
_ Bốn phương lễ bốn Phật
_ Phương Đông lễ **Trung Tôn** (Tôn ở chính giữa)

“Ác khát-lỗ tỳ-dạ, phộc nhật-la (1) ma hạ nê-dã năng (2) phộc nhật-la đà đồ (3) ma hạ một đà (4) đề-lý mạn noa la (5) đề-lý phộc nhật-la, nga-la (6) câu sái phộc nhật-la (7) năng mô tốt-đồ đề (8)”

अक्षयवज्र मन्त्रं वज्रधनु मन्त्रं त्रिमण्डल त्रिवज्रग्रं नमस्तुते
AKṢOBYA-VAJRA _ MAHĀ-DHYĀNA _ VAJRA-DHĀTU _ MAHĀ-
BUDDHA _ TRI-MANḌALA _ TRI-VAJRA-AGRA _ KOŚA-VAJRA _ NAMO
STUTE

Tỳ Lô Như Lai Phật Kim Cương Thân:

“Phệ lỗ tả năng (1) ma ha thuật đà (2) phộc nhật-la sảng đá (3) ma ha la đế (4) bát-la ca-lý đề (5) bát-la bà, sa-phộc la, ngật-la (6) nga lâm (7) nễ-phệ sa, phộc nhật-la (8) năng mô tốt-đồ đề (9)”

वैरोचन मन्त्रं वज्रसंता महारति प्रकृति प्रभस्वराग्रं गरमद्वेषा वज्र नमस्तुते
VAIROCANA MAHĀ-ŚUDDHA _ VAJRA-SĀNTA _ MAHĀ-RATI _
PRAKṚTI _ PRABHA-SVARA-AGRA _ GARAṀ-DVEṢA _ VAJRA _ NAMO
STUTE

Bảo Sinh Như Lai Bảo Kim Cương Thân:

“La đất-năng la nhạ (1) tổ nghiệm tỳ la khur (2) phộc nhật-la ca sa (3) ninh-lý ma la (4) sa-phộc bà phộc, thuật đà (5) ninh lệ bá (6) ca dã, phộc nhật-la (7) năng mô tốt-đồ đề (8)”

रत्नराज सुगम्भीर व वज्र संज्ञा नृमल स्वस्व सुवृक्षय वज्र नमस्तुते
RATNA-RĀJA SUGAMBHĪRA KHA _ VAJRA-ĀKĀŚA _ NR MĀLA
SVABHĀVA ŚUDDHA NRPA-KĀYA VAJRA NAMO STUTE

A Di Đà Như Lai Kim Cương Cam Lộ Thân:

“Phộc nhật-la một-lý đá (1) ma hạ nê-dã năng (2) ninh-lý vĩ ca-la bát khiết (3) phộc nhật-la đạt-lý ca (4) la nga bá la nhĩ đá (5) bát-la bát-đát (6) bà sa, phộc nhật-la (7) năng mô tốt-đồ đề (8)”

वज्रमृग मन्त्रं नृ विकार चक्रवृक्षं प्राप्तापरायणं प्रप सख वज्र नमस्तुते
VAJRA-AMṚTA MAHĀ-DHYĀNA _ NR VIKĀRA PAKA _ VAJRA-DHRK
_ RĀGA-PĀRAMITA PRAPTA BHAṢA VAJRA NAMO STUTE

Bất Không Thành Tựu Như Lai Kim Cương Giác Hữu Tình Thân:

“A mục khur phộc la (1) tam bộ đá (2) tát la-phộc sa bả lý bố la ca (3) sa-phộc bà phộc, thuật đà (4) ninh lý-lệ bá (5) phộc-la tát đất-phộc (6) năng mô tốt-đồ đề (7)”

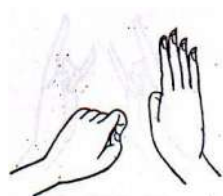
अमोघवरा संभुता सर्वा संपरिपूरका स्वभवा सुद्धा नृपा वरा सत्वा नमस्तुते
AMOGHA-VARA SAMBHŪTA SARVA ŚĀPARIPŪRAKA _ SVABHĀVA
ŚUDDHA _ NRPA VARA SATVA NAMO STUTE

_ Tán bái năm Phật xong
Vật Tâm tưởng Địa Đàn

Khởi đề trên đỉnh đầu
Giống như đội cái mũ (đầu quan)
Hai Đàn như nước, sữa
Hoà hợp một chỗ ngồi
Mỗi mỗi chẳng phân biệt
An toạ, suy nghĩ kỹ
Kết **Khế** niệm Bản Minh
Mỗi mỗi các Tôn Vị (vị trí của Tôn)
Dưới sẽ thứ tự nói

A Súc Như Lai Khế

Quyền trái an ở eo
Rũ tay phải chạm đất



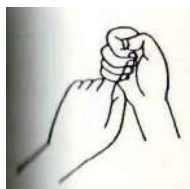
“**Án, a khuát-lỗ tỳ-dạ hồng**”

ॐ 𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈

OM_ AKṢOBHYA HŪM

Tỳ Lô Giá Na Phật

Tay phải: Kim Cương Quyền
Dùng bói (?năm) đầu ngón Lục (ngón trỏ trái)



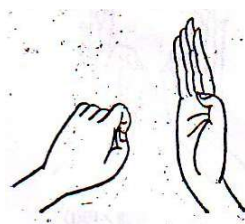
“**Án, phộc nhật-la đà đồ, tông**”

ॐ 𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈

OM_ VAJRA-DHĀTU VAM

Bảo Sinh Như Lai Án

Quyền trái an ở eo
Tay phải làm **Thí Nguyện**



“**Án, la đát-năng tam bà phộc, đát-lạc**”

ॐ [रत्नसंभवा]

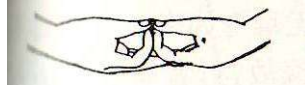
OM_RATNA-SAMBHAVA TRĀḤ

_A Di Đà Như Lai

Hai tay ngửa, chéo nhau

Dụng Tiên Lực (2 ngón trỏ) chung lưng

Thiền Trí (2 ngón cái) ngang đầu ngón



“Án, a di đà bà, hột-ly”

ॐ [अमिह]

OM_AMITĀBHA HRĪḤ

_Bất Không Thành Tựu Phật

Quyền trái lại an eo

Tay phải Thí Vô Úy



“Án, a mô khur tát địa, ác”

ॐ [अमोघसिद्धि]

OM_AMOGHA-SIDDHI AH

_Kim Cương Ba La Mật

Hai tay: Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như kim



“Án, tát đà lộ tả nễ (1) hồng (2) sa-phộc hạ (3)”

ॐ [तटलतस्रस्रस्र]

OM_SIDDHA-LOCANE HŪM_SVĀHĀ

_Bảo Ba La Mật Khế

Chàng sửa tướng Ấn trước

Tiên Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu



“**Án, kế lý kế lý (1) ma mật kế (2) hồng (3) bà-phộc hạ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ KILI KILI _ MĀMAKI HŪM _ SVĀHĀ

_ Pháp Ba La Mật Án

Hai tay: Kim Cương Chưởng

Mở Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa), *Tiến Lực* (2 ngón trỏ)

Phụ vạch trên Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa)

Cong Thiên Trí (2 ngón cái) hơi mở

“**Án, thấp-phệ đế (1) bán noa la phộc tát nễ (2) tát phộc đạt, sa nại nễ, hồng (4) sa-phộc hạ (5)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ ŚVETE PĀṆDARA-VĀSINI _ SARVARTHĀ SĀDHANE HŪM _ SVĀHĀ

_ Yết Ma Ba La Mật

Hai tay: Kim Cương Phộc

Dụng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) Đàn Tuệ (2 ngón út)

“**Án, đá lợi (1) đốt đá lợi (2) đốt lợi (3) sa-phộc hạ (4)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ

Bò Tát: mười hai Tôn

Án tương ứng sẽ nói

Hai tay Kim Cương Phộc

Trái phải rồi kéo mở

_ Địa Tạng Bò Tát Khế

Hai tay: Nghi xoay múa

Liên thành Kim Cương Phộc

Ngửa tay rồi mở bung

Dưới đèn các Tôn vị

Trước cột, sau xoay múa

“**Án, khát-lý đế (1) nga bà dã (2) sa-phộc hạ (3)**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ KṢITI-GARBHĀYA _ SVĀHĀ

Kim Cương Thủ Bò Tát

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải như **Thí Nguyện**

Thiên (ngón cái phải) đè ở Nhẫn Độ (ngón giữa phải)

“**Án, phộc nhật-la bát noa duệ (1) sa-phộc hạ (2)**”

ॐ वज्रपानये स्वहा
OM_VAJRA-PĀNĀYE _ SVĀHĀ

Không Bò Tát Mật Khế

Quyền trái lại an eo
Tay phải ngay trước tim
Dùng Thiên (ngón cái phải) đè Nhẫn Độ (ngón giữa phải)
“**Án, khiết nga bà dã (1) hồng (2), sa-phộc hạ (3)**”

ॐ ख गरुडै हूं स्वहा
OM_KHA-GARBHĀYA HŪM _ SVĀHĀ

Quán Tự Tại Bò Tát

Quyền trái an cạnh eo
Tay phải co Giới Độ (ngón vô danh)
Xoay phải, trụ tim, bung
“**Án, lộ kế thấp-phộc la (1) la nhạ dã (2) sa-phộc hạ (3)**”

ॐ लोकेश्वरै रजयै हूं स्वहा
OM_LOKEŚVARA-RĀJĀYA _ SVĀHĀ

Trừ Cái Chướng Bò Tát

Hai tay, Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc
Kéo mở rời bung Ấn
“**An, tát phộc nê phộc la na (1) vĩ xá-kiếm bà duệ (2) hồng (3)**”

ॐ सर्व निवारणै विष्कम्भयै हूं स्वहा
OM_SARVA NĪVARAṆA-VIṢKĀMBHAYE HŪM _ SVĀHĀ

Tát Đoả Bò Tát Ấn

Quyền trái an tại eo
Tay phải ở cạnh rốn
Co Nhẫn (ngón giữa phải) Thiên (ngón cái phải) gõ Tiến (ngón trỏ phải)
“**Án, tam mãn đá bạt nại-la dã, hồng**”

ॐ समन्तै भद्रयै हूं
OM_SAMANTA-BHADRĀYA _ HŪM

Diệu Cát Tường Bò Tát

Quyền trái lại an eo
Tay phải: Thiên (ngón cái) vịn Nhẫn (ngón giữa)
Hai mắt tùy tay, nhìn
“**Án, mãn tổ thất-lý, noa thát, hồng**”

ॐ मंजुश्रीं नैथै हूं
OM_MAMJUSRĪ- NĀTHA – HŪM

Di Lạc Bò Tát Ấn

Quyền trái an cạnh eo
Tay phải ngay trước tim
Gõ vạch giữa Nhẫn Chỉ (ngón giữa)
“**Án, mỗi đất-lý dã, hồng (1) sa-phộc hạ (2)**”

ॐ मयै हूं स्वहा

OM_ MAITREYA HŪM_ SVĀHĀ

Y (cái áo) Cúng Dường Bò Tát

Quyền trái an ở eo

Tay phải phía trước mặt

Búng Nhẫn Chỉ (ngón giữa) rồi bung

“**Án, phộc-la, a ninh-dã, hồng**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM_ VARA ANYA HŪM

Quán Hoa Bò Tát Ân

Hai tay ôm chính giữa

Giống như thế lấy hoa

Tưởng an Phật trên đỉnh

“**Án, phộc nhật-la, ma lý-dã, hồng**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM_ VAJRA-MĀLYA HŪM

Tán Hoa Bò Tát Khế

Tay trái: Trí (ngón cái) vịn Nguyệt (ngón giữa)

Tay phải: Thiên (ngón cái) vịn Nhẫn (ngón giữa)

Trước mặt, hướng ngoài, bung

“**Án, phộc nhật-la bồ sáp-ba, hồng**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM_ VAJRA-PUṢPA HŪM

Đồ Hương Bò Tát Khế

Hai tay cầm lò hương

Như Khế Cúng Dường Phật

“**Án, phộc nhật-la, độ bết, ác**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM- VAJRA-DHŪPE – AH

Đặng Cúng Dường Bò Tát

Tay trái nâng tay phải

Duỗi Nhẫn Chỉ (ngón giữa trái) cúng dường

“**Án, phộc nhật-la, lộ kê, nễ**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM – VAJRA-ĀLOKE – DĪH

Cam Lộ Bò Tát Khế

Tưởng trong lòng tay trái

Có dòng nước Cam Lộ

Tay phải búng Danh Chỉ (ngón vô danh)

“**Án, phộc nhật-la, ồ na ca, đồ sái tát**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

OM_ VAJRA-UDAKA TOṢA SAH

Kính (cái gương) Cúng Đường Bồ Tát

Quyền trái an ở eo

Tay phải ở trước mặt

Giống như thế cầm gương

“**Án, phộc nhật-la, vĩ xá, ác**”

ॐ वज्र (अक्षि) ॐ

OM- VAJRA-AVISA _ AH

Vũ Cúng Đường Bồ Tát

Hai tay như thế múa

“**Án, phộc nhật-la, tế, hồng**”

ॐ वज्र (अक्षि) ॐ

OM- VAJRA-NRTI – HŪM

Ca Cúng Đường Bồ Tát

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải ngón Nhấn (ngón giữa) Tiên (ngón trỏ)

Dụng thẳng rồi vỗ nhau

“**Án, phộc nhật-la, nghi đế, hồng**”

ॐ वज्र (अक्षि) ॐ

OM- VAJRA-GĪTE – HŪM

Chỗ này nên dùng Chân Ngôn Ấn Khế của mười vị Đại Minh Vương, rộng như quyền riêng biệt.

_ Bí mật cúng dường xong

Liên hiệp thức ăn uống

Hoa quả với hương xoa

Mọi loại mà cúng dường

Nếu có Tâm mệt mỏi

Chẳng hết các Pháp Thức

Muốn ra khỏi Đạo Trường

Nên niệm **Phụng Tống Minh**

_ Lại tự suy nghĩ kỹ

Kính bạch các Như Lai

“*Con vận Tâm cúng dường*

Hoặc có điều sai lầm

Nguyện Phật thương xót con

Lại rưới nước Cam Lộ

Rửa sạch tất cả tội

Thầy đều khiến tiêu diệt”

Phụng Tống Chân Ngôn là:

“**Án, cật-lý đồ phộc (1) tát phộc tát đát-phộc (2) la-tha na tát đằng (3) na đát-phộc dã tha noa nga-đát (4) nga tha đặc-tông, tát phộc một đà vĩ sai diễn (5) vĩ hạ la đặc-tông, dã tha, tố khiếm (6) dã đát-la, dã đát-la, tát mẫu đát-bá nam (7) mẫu nại-la, tát phộc tát ma tát đá (8) mẫu lý để-duệ, phộc tát mẫu tả lý-duỡng (9) đát đát-la, đát đát-lý, phộc mô khát-xoa duệ (10) tát ma bát-đát (11) tát tất-lý năng nê-dã năng, tát đát-phộc (12) ốt tát tha dã, măn đát-lý (13) vĩ hạ lý dã la-tha, tố**

khiếm (14) dĩa đất khẩn tức ca la-ma ninh (15) ca-lý đá nễ bôn nễ-dưỡng đảng (16) tát phộc tát đất-tông (17) bá lý năng ma duệ đá (18) cật-lý đá ninh, ca la-ma ninh (19) tổ na lỗ năng ninh (20) bát-la ca xá duệ năng (21) bát-la đế tha na duệ đá (22) củ nhĩ đất-la (23) tam bát ca phộc xá ca na tức (24) la cật-đế năng mộng nỉ năng (25) vĩ mô hứ đế năng, ca duệ năng, phộc chỉ-dã (26) ma năng tát ca-lý đảng, nhĩ đảng, tát phộc bát bạn, bát-la đế nễ sa dã nhĩ (27)”

Kim Cương A Xà Lê

Cùng Đệ Tử **Quán Đỉnh**

Như trên, trước tướng Đàn

Cũng nên tụng Mật Ngữ

Ấy là bốn Minh Vương

Bát-la nê-dã đất ca Chân Ngôn dùng lấy hoa, đánh năm Chướng của Đệ Tử

_Bát Nạp-ma Minh Vương (Padma-vidya-rāja: Liên Hoa Minh Vương)

Rồi đốt hạt cải trắng

Xông truyền điều của Pháp

Tất cả các phiền não

_Trá Chỉ La Nhạ Vương

Gia trì vào nước sạch

Rưới lên thân Đệ Tử

Để trừ các tội do

_Bá Đa La Chân Ngôn

Dùng gia trì sinh com (phạn)

Cúng dường nơi chư Thiên

Nhóm Long Thần, tám Bộ

_ Pháp này rất bí mật

Chẳng được vọng tuyên truyền

Trừ, gặp người Trí Tuệ

Mới có thể tuyên nói

DIỆU CÁT TƯỜNG BÌNH ĐẲNG DU GIÀ
BÍ MẬT QUÁN THÂN THÀNH PHẬT NGHI QUỶ

Hết

17/06/2011